

SỐ LƯỢNG TRÚNG TUYỂN VÀ ĐIỂM CHUẨN DỰ KIẾN

TT	Trường THPT	Số lượng tuyển	Điểm chuẩn NV 1	Điểm chuẩn NV 2	Điểm chuẩn NV 3	Điểm chuẩn NV 4	Ghi chú
1	Chuyên Lê Quý Đôn	330					
1.1	Chuyên Toán	35	36,25				
1.2	Chuyên Vật lí	34	33,50				
1.3	Chuyên Hóa học	35	39,00				
1.4	Chuyên Sinh học	35	32,25				
1.5	Chuyên Toán - Tin	35	39,50				
1.6	Chuyên Ngữ văn	35	37,00 (Điểm chuyên: 6,75)				
1.7	Chuyên Tiếng Anh	70	36,00				
1.8	Chuyên Lịch sử	20	30,00				
1.9	Chuyên Địa lí	31	29,50				
2	Chuyên Chu Văn An	254					
2.1	Chuyên Toán	26	31,75				

TT	Trường THPT	Số lượng tuyển	Điểm chuẩn NV 1	Điểm chuẩn NV 2	Điểm chuẩn NV 3	Điểm chuẩn NV 4	Ghi chú
2.2	Chuyên Vật lí	33	30,25				
2.3	Chuyên Hóa học	20	30,75				
2.4	Chuyên Sinh học	25	29,00				
2.5	Chuyên Toán - Tin	24	29,25				
2.6	Chuyên Ngữ văn	35	34,25				
2.7	Chuyên Tiếng Anh	35	34,10				
2.8	Chuyên Lịch sử	23	27,25				
2.9	Chuyên Địa lí	33	27,25				
3	Quốc học Quy Nhơn (*)	368	22,50 (ĐTB 9: 9,3)				7 tuyển thăng
4	THPT Trung Vương	369	18,75 (ĐTB 9: 8,1)	20,25 (ĐTB 9: 8,1)			3 tuyển thăng
5	THPT Trần Cao Vân	358	14,00 (ĐTB 9: 8,3)	15,50 (ĐTB 9: 8,3)	17,00 (ĐTB 9: 8,3)		2 tuyển thăng
6	THPT Nguyễn Thái Học (*)	360	9,75 (ĐTB 9: 7,3)	11,25 (ĐTB 9: 7,3)	12,75 (ĐTB 9: 7,3)	14,25 (ĐTB 9: 7,3)	1 tuyển thăng
7	THPT Hùng Vương	332	10,25 (ĐTB 9: 7,4)				
8	THPT Bùi Thị Xuân	281	10,00 (ĐTB 9: 6,8)				1 tuyển thăng

TT	Trường THPT	Số lượng tuyển	Điểm chuẩn NV 1	Điểm chuẩn NV 2	Điểm chuẩn NV 3	Điểm chuẩn NV 4	Ghi chú
9	THPT Số 1 Tuy Phước	406	16,00				5 tuyển thăng
10	THPT Xuân Diệu	392	5,50 (ĐTB 9: 6,2)	7,00 (ĐTB 9: 6,2)			
11	THPT Số 2 Tuy Phước	302	6,50				2 tuyển thăng
12	THPT Nguyễn Diêu (*)	419	5,50 (ĐTB 9: 6,3)				5 tuyển thăng
13	THPT Số 3 Tuy Phước	279	7,25 (ĐTB 9: 6,2)				3 tuyển thăng
14	THPT Số 1 An Nhơn	254	15,25 (ĐTB 9: 7,1)				2 tuyển thăng
15	THPT Nguyễn Đình Chiểu	244	8,25 (ĐTB 9: 6,0)	9,75 (ĐTB 9: 6,0)			1 tuyển thăng
16	THPT Số 2 An Nhơn (*)	295	16,75 (ĐTB 9: 7,8)				2 tuyển thăng
17	THPT Nguyễn Trường Tộ	282	7,75 (ĐTB 9: 6,8)	9,25 (ĐTB 9: 6,8)			
18	THPT Số 3 An Nhơn	384	8,25				3 tuyển thăng
19	THPT Hoà Bình	267	7,50 (ĐTB 9: 5,7)				3 tuyển thăng
20	THPT Quang Trung	332	14,5 (ĐTB 9: 8,4)				3 tuyển thăng
21	THPT Nguyễn Huệ	319	7,25	8,75			
22	THPT Tây Sơn	322	8,00				1 tuyển thăng

TT	Trường THPT	Số lượng tuyển	Điểm chuẩn NV 1	Điểm chuẩn NV 2	Điểm chuẩn NV 3	Điểm chuẩn NV 4	Ghi chú
23	THPT Võ Lai	144	8,50				4 tuyển thăng
24	THPT Số 1 Phù Cát	294	16,25 (ĐTB 9: 7,8)				
25	THPT Ngô Mây	276	8,00 (ĐTB 9: 6,7)	9,50 (ĐTB 9: 6,7)			5 tuyển thăng
26	THPT Số 2 Phù Cát	293	8,00 (ĐTB 9: 6,8)				6 tuyển thăng
27	THPT Ngô Lê Tân	293	8,00 (ĐTB 9: 7,3)				7 tuyển thăng
28	THPT Số 3 Phù Cát	217	10,75				3 tuyển thăng
29	THPT Nguyễn Hữu Quang	269	9,00 (ĐTB 9: 7,6)				2 tuyển thăng
30	THPT Nguyễn Hồng Đạo	333	8,25				
31	THPT Số 1 Phù Mỹ	246	16,00				6 tuyển thăng
32	THPT Nguyễn Trung Trực	239	8,75 (ĐTB 9: 6,5)	10,25 (ĐTB 9: 6,5)			
33	THPT Số 2 Phù Mỹ	258	17,00				13 tuyển thăng
34	THPT Bình Dương	258	7,75 (ĐTB 9: 6,3)	9,25 (ĐTB 9: 6,3)			
35	THPT An Lương (*)	216	7,75 (ĐTB 9: 6,1)				1 tuyển thăng
36	THPT Mỹ Thọ	326	9,00 (ĐTB 9: 6,3)				3 tuyển thăng

TT	Trường THPT	Số lượng tuyển	Điểm chuẩn NV 1	Điểm chuẩn NV 2	Điểm chuẩn NV 3	Điểm chuẩn NV 4	Ghi chú
37	THPT Tăng Bạt Hổ	318	15,00 (ĐTB 9: 7,5)				3 tuyển thăng
38	THPT Phan Bội Châu	306	7,75 (ĐTB 9: 8,00)	9,25 (ĐTB 9: 8,00)			
39	THPT Nguyễn Trân	309	18,00 (ĐTB 9: 8,4)				4 tuyển thăng
40	Tam Quan	299	10,00 (ĐTB 9: 6,6)	11,50 (ĐTB 9: 6,6)			
41	THPT Lý Tự Trọng	361	11,00 (ĐTB 9: 6,6)				7 tuyển thăng
42	THPT Nguyễn Du	437	7,50				1 tuyển thăng
43	THPT Hoài Ân	147	13,00				1 tuyển thăng
44	THPT Nguyễn Bình Khiêm	148	9,25 (ĐTB 9: 6,8)	10,75 (ĐTB 9: 6,8)			
45	THPT Võ Giừ	233	7,50 (ĐTB 9: 6,7)				2 tuyển thăng
46	THPT Trần Quang Diệu	335	5,00 (ĐTB 9: 6,5)				65 tuyển thăng